

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(đã được kiểm toán)

Tháng 3 năm 2023

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	07 - 35
Bảng cân đối kế toán riêng	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vinam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vinam tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 ngày 14/02/2007. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 18 ngày 04/10/2022 do Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 6, tòa nhà VTC Online, số 18 Tam Trinh, P.Minh Khai, Q.Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Takishita Akira	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/6/2022
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 21/6/2022
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Ông Đặng Việt Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Hà Thị Thu Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/6/2022

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Việt Thắng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/7/2022
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/7/2022

Kế toán trưởng của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là:

Ông Phạm Xuân Lãng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 13/02/2023
Bà Vũ Thị Ngọc	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 04/10/2022 Miễn nhiệm ngày 13/02/2023
Bà Ngô Minh Hằng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/7/2022 Miễn nhiệm ngày 04/10/2022
Bà Cao Thị Minh Nguyệt	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01/7/2022

Công ty Cổ phần Vinam

Tầng 6, Tòa nhà VTC Online, Số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Ngô Thị Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Trần Thị Duyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Đào Thị Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/6/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý Bảng cân đối kế toán Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Vinam

Tầng 6, Tòa nhà VTC Online, Số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 năm 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Đặng Việt Thắng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022



Số: 06NV2/2023/ASCO/BCKiT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vinam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vinam được lập ngày 30 tháng 03 năm 2022, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc tới những thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 05: Phải thu của khách hàng ngắn hạn, tại thuyết minh này thể hiện số tiền Công ty còn phải thu Công ty Cổ phần đầu tư bệnh viện SARA theo hợp đồng số 0512/2022/CVN-BV SARA ngày 05/12/2022 và hợp đồng số 0612/2022/CVN-BV SARA ngày 06/12/2022. Tại thời điểm Kiểm toán, Công ty mới được thanh toán số tiền 2 tỷ VND trên tổng số dư nợ tại 31 tháng 12 năm 2022.
- Thuyết minh số 06: Trả trước cho người bán ngắn hạn, tại thuyết minh này thể hiện số tiền Công ty đang trả trước cho Công ty Cổ phần Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyễn theo Hợp đồng số 01/2020/HĐNT/CVN-NPN ngày 20/8/2020. Ngày 16/08/2022, hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 06.1608/2021/HĐNT/CVN-NPN sửa đổi thời gian giao hàng, theo đó thời gian giao hàng được gia hạn đến 31/8/2023.
- Thuyết minh số 08: Hàng tồn kho, tại thuyết minh này thể hiện giá trị hàng hóa của Công ty là phần mềm chuyên dụng phục vụ hoạt động ngành y. Hàng hóa này đã được tiêu thụ một phần trong năm 2022 và dự kiến sẽ tiếp tục tiêu thụ trong năm 2023 theo Nghị quyết phương án kinh doanh số 2906/2022/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 6 năm 2022.

Vấn đề cần nhấn mạnh trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO



Phạm Ngọc Quân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4493-2019-149-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Trần Văn Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4025-2022-149-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		172.390.508.594	116.157.084.897
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	52.577.438.636	2.366.723.070
111	1. Tiền		52.577.438.636	2.366.723.070
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	39.713	39.713
121	1. Chứng khoán kinh doanh		35.799.713	35.799.713
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(35.760.000)	(35.760.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		101.765.756.080	50.762.713.241
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	72.337.433.537	900.300.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	29.428.322.543	49.829.792.543
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		-	32.620.698
140	IV. Hàng tồn kho	07	17.937.666.718	62.886.554.046
141	1. Hàng tồn kho		17.937.666.718	62.886.554.046
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		109.607.447	141.054.827
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	11.388.869
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		109.607.447	129.665.958
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		183.514.174.337	129.758.144.330
220	I. Tài sản cố định		1.283.333.333	1.540.000.000
227	1. Tài sản cố định vô hình	08	1.283.333.333	1.540.000.000
228	- Nguyên giá		1.540.000.000	1.540.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(256.666.667)	-
240	II. Tài sản dở dang dài hạn	09	8.935.665.865	8.935.665.865
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		8.935.665.865	8.935.665.865
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	04	173.295.175.139	119.282.478.465
251	1. Đầu tư vào công ty con		175.008.000.000	119.568.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.712.824.861)	(285.521.535)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		355.904.682.931	245.915.229.227

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

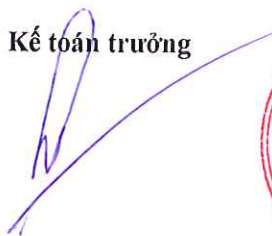
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.423.053.488	663.288.370
310	I. Nợ ngắn hạn		1.423.053.488	663.288.370
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	225.742.077	170.000.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	608.861.335	215.886.989
314	3. Phải trả người lao động		347.399.979	209.975.174
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		170.000.000	-
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	25.957.141	22.333.251
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		45.092.956	45.092.956
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		354.481.629.443	245.251.940.857
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	354.481.629.443	245.251.940.857
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		296.999.910.000	197.999.940.000
411a	<i>Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>296.999.910.000</i>	<i>197.999.940.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		18.918.962.963	18.956.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		195.900.595	195.900.595
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		38.366.855.885	28.100.100.262
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>28.100.100.262</i>	<i>9.156.232.361</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>10.266.755.623</i>	<i>18.943.867.901</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		355.904.682.931	245.915.229.227

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Liên

Kế toán trưởng



Phạm Xuân Lãng

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Giám đốc



Đặng Việt Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	78.617.037.913	20.348.443.181
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		78.617.037.913	20.348.443.181
11	4. Giá vốn hàng bán	15	71.527.216.877	16.765.587.258
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.089.821.036	3.582.855.923
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	7.931.853.913	18.421.394.700
22	7. Chi phí tài chính	17	1.427.303.326	285.521.535
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	18	344.681.804	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	2.386.391.190	2.538.971.113
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.863.298.629	19.179.757.975
31	11. Thu nhập khác		497.086	3.022.544
32	12. Chi phí khác	20	10.404.930	50.584.538
40	13. Lợi nhuận khác		(9.907.844)	(47.561.994)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.853.390.785	19.132.195.981
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	586.635.162	188.328.080
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>10.266.755.623</u>	<u>18.943.867.901</u>

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Liên

Kế toán trưởng

Phạm Xuân Lãng

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Giám đốc



Đặng Việt Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước		10.853.390.785	19.132.195.981
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(6.247.883.920)	(18.135.873.165)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		256.666.667	-
03	- Các khoản dự phòng		1.427.303.326	285.521.535
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.931.853.913)	(18.421.394.700)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.605.506.865	996.322.816
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(50.915.714.497)	(6.027.920.998)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		44.948.887.328	(54.058.846.386)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		294.188.205	(716.689.078)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		11.388.869	43.934.048
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(188.328.080)	(707.693.411)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(37.037.037)	(144.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.281.108.347)	(60.614.893.009)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(1.540.000.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	15.000.000.000
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(55.440.000.000)	(76.828.000.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			4.800.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.931.853.913	18.421.394.700
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(47.508.146.087)	(40.146.605.300)

CÔNG TY RIÊNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		98.999.970.000	99.000.000.000
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		98.999.970.000	99.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		50.210.715.566	(1.761.498.309)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.366.723.070	4.128.221.379
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>52.577.438.636</u>	<u>2.366.723.070</u>

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Liên

Kế toán trưởng

Phạm Xuân Lăng

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Giám đốc



Đặng Việt Thắng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinam tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 ngày 14/02/2007. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 18 ngày 04/10/2022 do Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 6, tòa nhà VTC Online, số 18 Tam Trinh, P.Minh Khai, Q.Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 296.999.910.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 296.999.910.000 đồng; tương đương 29.699.991 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty đang được niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CVN theo Công văn ngày 29/07/2010. Ngày giao dịch cổ phiếu CVN đầu tiên là 06/08/2010.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
Chi tiết: - Lập hồ sơ dự thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, kỹ thuật thi công các dự án xây dựng bao gồm: dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước. - Lập, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo tiền khả thi và báo cáo đầu tư các dự án; - Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
Chi tiết: - Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải;
- ...

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

- Chu kỳ hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 05 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 11 nhân viên).

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các Công ty con trực tiếp

<u>Tên Công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ Y học	Phú Thọ	Bán máy móc thiết bị, nông lâm sản ; hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế.
Công ty cổ phần Công Nghệ Cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo	Quảng Ninh	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.
Công ty TNHH Vinam Vũng Áng	Hà Tĩnh	Hoạt động chính là kinh doanh thương mại, dịch vụ, kinh doanh chế biến bảo quản thực phẩm.
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	TP.Hồ Chí Minh	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.
Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7	Hậu Giang	Hoạt động chính là sản xuất kinh doanh chế biến thuốc dược phẩm thực phẩm chức năng các loại.
Công ty Cổ phần Phòng khám Ba Đình	Hà Nội	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
Công ty Cổ phần Sản xuất phần mềm Vinam	Hà Nội	Lập trình máy vi tính.

Danh sách các Công ty con gián tiếp

<u>Tên Công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Lạng Sơn Tokyo	Lạng Sơn	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y Tế và Môi trường Móng Cái Tokyo	Quảng Ninh	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
Công ty Cổ phần Phòng khám Nguyễn Thái Sơn	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, nha khoa, chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh, chuyên khoa xét nghiệm (trừ lưu trữ bệnh nhân).

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty xem tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Trong năm, Công ty không phát sinh các khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phần mềm quản lý

06 năm

2.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần, thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh mà Công ty đã thu và các khoản phạt vi phạm hợp đồng chắc chắn thu được (ngoại trừ khoản phạt về bản chất là giảm giá hàng mua, giảm thanh toán).

2.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.14. Chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

2.16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.



2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ và công ty con;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.400.170.809	553.183.216
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	51.177.267.827	1.813.539.854
	<u><u>52.577.438.636</u></u>	<u><u>2.366.723.070</u></u>

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2022		01/01/2022			
	Mã chứng khoán	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang (30.000 cổ phiếu)	BGM	35.799.713	39.713	35.760.000	39.713	35.760.000
		<u>35.799.713</u>	<u>39.713</u>	<u>35.760.000</u>	<u>39.713</u>	<u>35.760.000</u>

(i) Là khoản đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang, mã chứng khoán BGM với mục đích để bán thu lợi nhuận. Mã chứng khoán này đang bị hạn chế giao dịch trên thị trường chứng khoán.

b) Đầu tư góp vốn vào công ty con

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tại ngày 31/12/2022 như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ Y học	Số 3 Phố Cầu Đất, Thị Trấn Thanh Sơn, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ	100%	100%	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo	Tổ dân phố Đông Trinh, P. Kỳ Trinh, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh.	99,98%	99,98%	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa
Công ty TNHH Vinam Vung Ang	Tổ dân phố Đông Trinh, P. Kỳ Trinh, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh.	100%	100%	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt

Công ty Cổ phần Vinam

Tầng 6, Tòa nhà VTC Online, Số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	03 Phan Văn Đạt, P.Bến Nghé, Q.1, TP. Hồ Chí Minh	81,20%	81,20%	81,20%	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa
Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7	KCN Sông Hậu - Giai đoạn 1, Xã Đông Phú, H.Châu Thành, T.Hậu Giang.	98%	98%	98%	Sản xuất kinh doanh chế biến thuốc được phẩm, thực phẩm chức năng các loại
Công ty Cổ phần Phòng khám Ba Đình	Số 37A Dốc Phụ sân, đường Đê La Thành, Phường Ngọc Khánh, Phòng số 302 tầng 3, Toà tháp Tây chung cư thuộc dự án khu nhà ở cán bộ Học viện Quốc phòng, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, TP.Hà Nội	98%	98%	98%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Sản xuất phần mềm Vinam			98%	98%	Lập trình phần mềm máy vi tính

Chi tiết giá trị từng khoản đầu tư

	31/12/2022		01/01/2022			
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	175.008.000.000	-	(1.712.824.861)	119.568.000.000	-	(285.521.535)
Công ty TNHH Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ Y học (1)	4.800.000.000	-	-	4.800.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường Hạ Long Tokyo (2)	49.940.000.000	-	(25.370.615)	18.368.000.000	-	-
Công ty TNHH Vinam Vũng Áng (3)	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	-	-
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn (4)	38.868.000.000	-	(1.057.726.388)	21.000.000.000	-	(236.033.701)
Công ty Cổ phần Công Nghệ Cao G7 (5)	49.000.000.000	-	(303.918.157)	49.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Phòng Khám Ba Đình (6)	4.900.000.000	-	(325.809.701)	4.900.000.000	-	(49.487.834)
Công ty Cổ phần Sản Xuất Phần Mềm Vinam (7)	7.500.000.000	-	-	1.500.000.000	-	-
	175.008.000.000	-	(1.712.824.861)	119.568.000.000	-	(285.521.535)

Công ty Cổ phần Vinam

Tầng 6, Tòa nhà VTC Online, Số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần được trình bày, tuy nhiên Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính, theo đó Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nêu trên.

- (1) Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ Y Học: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 1012/2018/NQHĐQT/CVN ngày 10/12/2018. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2601021142 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp với vốn điều lệ 4.800.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty góp vốn vào Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ Y Học tại 31/12/2022 là 4.800.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang hoạt động bình thường.
- (2) Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo tiên thân là Công ty Cổ phần Vinam Quảng Ninh: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 1811/2019/NQHĐQT/CVN ngày 18/11/2019; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5702024681 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 12 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Ninh cấp với vốn điều lệ 6.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty Cổ phần Vinam góp 5.940.000.000 đồng chiếm 99% vốn điều lệ. Theo đăng ký kinh doanh lần 4 ngày 07/09/2022, Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo tăng vốn lên 50.000.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Vinam góp 49.940.000.000 đồng tương đương 99,98%. Đến 31/12/2022, Công ty đã góp đủ 49.940.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang hoạt động bình thường.
- (3) Công ty TNHH Vinam Vũng Áng: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 0907/2020/NQHĐQT/CVN ngày 09/07/2020; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3002186193 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 07 năm 2020, thay đổi lần thứ nhất ngày 24/8/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh cấp với vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty Cổ phần Vinam góp tại 31/12/2022 là 20.000.000.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang hoạt động bình thường.
- (4) Công ty TNHH Vinam Sài Gòn: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 1410/2019/NQHĐQT/CVN ngày 14/10/2019; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315980715 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty Cổ phần Vinam góp là 21.000.000.000 đồng chiếm 70% vốn điều lệ. Theo đăng ký kinh doanh lần 5 ngày 09/09/2022, Công ty TNHH Vinam Sài Gòn tăng vốn lên 47.868.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Vinam góp 38.868.000.000 đồng tương đương 81,20%. Đến ngày 31/12/2022, Công ty Cổ phần Vinam đã góp đủ 38.868.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang hoạt động bình thường.
- (5) Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 0302/2021/NQHĐQT/CVN ngày 03/02/2021; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300345278 đăng ký lần đầu ngày 03/6/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp với vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Vinam góp 49.000.000.000 đồng chiếm 98% vốn điều lệ. Đến ngày 31/12/2022, Công ty Cổ phần Vinam đã góp đủ số vốn cam kết.

Công ty Cổ phần Vinam

Tầng 6, Tòa nhà VTC Online, Số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

- (6) Công ty Cổ phần Phòng khám Ba Đình: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 2907/2021/NQHĐQT/CVN ngày 29/7/2021; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109729993 đăng ký lần đầu ngày 06/8/2021, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 15/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Vinam góp 4.900.000.000 đồng chiếm 98% vốn điều lệ. Đến ngày 31/12/2022, Công ty Cổ phần Vinam đã góp 4.900.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang hoạt động bình thường.
- (7) Công ty Cổ phần Sản xuất phân mềm Vinam: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 011/2021/NQHĐQT/CVN ngày 04/11/2021; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109805330 đăng ký lần đầu ngày 05/11/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Vinam cam kết góp 29.400.000.000 đồng chiếm 98% vốn điều lệ. Đến ngày 31/12/2022, Công ty Cổ phần Vinam đã góp 7.500.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang hoạt động bình thường.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện SARA (i)	66.714.708.262	-	-	-
- Công ty Cổ phần Phòng khám Nguyễn Thái Sơn	-	-	900.300.000	-
- Công ty Cổ phần Phòng khám Healthcare Nam Sài Gòn	2.372.982.174	-	-	-
- Công ty Cổ phần Phòng khám Medicare Tô Hiến Thành	2.372.982.174	-	-	-
- Các đối tượng khác	876.760.927	-	-	-
	72.337.433.537	-	900.300.000	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	262.080.927	-	900.300.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 25)

(i): Theo hợp đồng số 0512/2022/CVN-BV SARA ngày 05/12/2022; biên bản bàn giao ngày 29/12/2022 và hợp đồng số 0612/2022/CVN-BV SARA ngày 06/12/2022; biên bản bàn giao ngày 30/12/2022. Công ty đã bàn giao các phần mềm máy tính cho Công ty Cổ phần đầu tư bệnh viện Sara với thời hạn thanh toán là 150 ngày - 180 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo, Công ty đã được thanh toán 2 tỷ VND trong tổng số dư công nợ trên.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Chế biến Nhật Phú Nguyên (i)	29.110.322.543	-	29.747.292.543	-
- Công ty TNHH Vinam Vũng Áng (ii)	-	-	20.000.000.000	-
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	25.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thiết bị Y tế Kiến Tạo	198.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	95.000.000	-	82.500.000	-
	29.428.322.543	-	49.829.792.543	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-	20.000.000.000	-

(i): Công ty thực hiện tạm ứng theo Hợp đồng số 01/2020/HĐNT/CVN-NPN ngày 20/8/2020. Ngày 16/08/2022, hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 06.1608/2021/HĐNT/CVN-NPN sửa đổi thời gian giao hàng, theo đó thời gian giao hàng được gia hạn đến 31/8/2023. Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng này, hợp đồng này vẫn chưa được hai bên thực hiện xong.

(ii): Theo Nghị quyết số 1001/2022/NQHĐQT/CVN về việc thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ (ngày hoàn thành đợt chào bán 11/01/2022) Công ty thanh lý hợp đồng gia công thực phẩm số 08.01/2021/VINAM-VUNGANG/HĐGC ký ngày 08/01/2021 để thu hồi số tiền đặt cọc 20.000.000.000 đồng để chuyển sang mua hàng hóa phần mềm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Aiko. Theo thanh lý hợp đồng số 1101/2022/VINAM-VUNGANG/HĐGC, Công ty thanh lý và đã thu hồi đủ tiền 20.000.000.000 đồng.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng hóa (i)	17.937.666.718	-	62.886.554.046	-
	17.937.666.718	-	62.886.554.046	-

(i): Hàng hóa là phần mềm máy tính chuyên dụng phục vụ hoạt động khám chữa bệnh tại các bệnh viện hoặc phòng khám bệnh được Công ty lưu trữ trong thiết bị lưu trữ chuyên dụng.

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1.540.000.000	1.540.000.000
Số dư cuối năm	1.540.000.000	1.540.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	-	-
- Khấu hao trong năm	256.666.667	256.666.667
Số dư cuối năm	256.666.667	256.666.667
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	1.540.000.000	1.540.000.000
Tại ngày cuối năm	1.283.333.333	1.283.333.333

9. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm	8.935.665.865	8.935.665.865
<i>Hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa khu vực An Giang (i)</i>	2.845.162.035	2.845.162.035
<i>Hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tân Châu (ii)</i>	6.090.503.830	6.090.503.830
	8.935.665.865	8.935.665.865

(i): Theo Hợp đồng số 1106/2019/HĐ-VN-BVKVAG ngày 11/06/2019 giữa Công ty và Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh An Giang. Công ty sẽ đầu tư 100% vốn tiến hành lắp đặt sử dụng thử nghiệm tại Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh An Giang 01 hệ thống Pacs để phục vụ trong Chẩn đoán hình ảnh bệnh nhân.

(ii): Theo Hợp đồng số 01/2020/BVTC ngày 02/07/2020 giữa Công ty và Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh Tân Châu. Công ty sẽ đầu tư 100% vốn tiến hành lắp đặt sử dụng thử nghiệm tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu 01 hệ thống Pacs để phục vụ trong Chẩn đoán hình ảnh bệnh nhân.

Sau khi hệ thống trên được đưa vào sử dụng, Công ty sẽ thu phí chụp của Bệnh viện theo giá được phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Tuy nhiên, đến thời điểm Kiểm toán Công ty và Bệnh viện vẫn chưa tiến hành bàn giao đưa vào sử dụng hệ thống trên.

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Leopard	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN	33.000.000	33.000.000	-	-
- Công ty Liên doanh Kho lạnh Panasato	142.742.077	142.742.077	-	-
- Phải trả nhà cung cấp khác	-	-	120.000.000	120.000.000
	225.742.077	225.742.077	170.000.000	170.000.000

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	đầu năm	đầu năm	trong năm	trong năm	cuối năm	cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	20.395.624	20.395.624	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	188.328.080	586.635.162	188.328.080	-	586.635.162
- Thuế thu nhập cá nhân	-	27.558.909	72.013.167	77.345.903	-	22.226.173
- Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	-	215.886.989	683.043.953	290.069.607	-	608.861.335

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Vinam

Tầng 6, Tòa nhà VTC Online, Số 18 Tam Trinh,
Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội	8.106.328	4.776.525
- Bảo hiểm y tế	676.026	851.292
- Bảo hiểm thất nghiệp	300.985	189.176
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.873.802	16.516.258
	<u>25.957.141</u>	<u>22.333.251</u>
d) Phải trả khác là các bên liên quan	<u>6.488.059</u>	<u>12.780.263</u>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 23)</i>		

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	115.499.940.000	2.600.000.000	195.900.595	9.156.232.361	127.452.072.956
Tăng vốn trong năm trước	82.500.000.000	-	-	-	82.500.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	18.943.867.901	18.943.867.901
Tăng khác	-	16.500.000.000	-	-	16.500.000.000
Giảm khác	-	(144.000.000)	-	-	(144.000.000)
Số dư cuối năm trước	197.999.940.000	18.956.000.000	195.900.595	28.100.100.262	245.251.940.857
Số dư đầu năm nay	197.999.940.000	18.956.000.000	195.900.595	28.100.100.262	245.251.940.857
Tăng vốn trong năm nay (i)	98.999.970.000	-	-	-	98.999.970.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	10.266.755.623	10.266.755.623
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(37.037.037)	-	-	(37.037.037)
Số dư cuối năm nay	296.999.910.000	18.918.962.963	195.900.595	38.366.855.885	354.481.629.443

(i): Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 21/6/2022 thông qua việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ. Công ty phát hành thêm 9.899.997 cổ phiếu, tương đương 98.999.970.000 VND cho các cổ đông hiện hữu. Đến ngày 03/08/2022 Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn trên. Việc tăng vốn của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO theo Báo cáo kiểm toán số 23/2022/ASCO/BCKT.VCSH-NV2 ngày 07/09/2022.

Công ty Cổ phần VinamTầng 6, Tòa nhà VTC Online, Số 18 Tam Trinh,
Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Lê Đức Khanh	9.500.000.000	3,20%	35.000.000.000	17,68%
Nguyễn Mạnh Cường	18.000.000.000	6,06%	25.000.000.000	12,63%
Nguyễn Minh Tuấn	20.000.000.000	6,73%	20.000.000.000	10,10%
Nguyễn Thị Mỹ Nhung	14.951.000.000	5,03%	10.118.000.000	5,11%
Cổ đông khác	234.548.910.000	78,97%	107.881.940.000	54,49%
	296.999.910.000	100%	197.999.940.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	197.999.940.000	115.499.940.000
- Vốn góp tăng trong năm	98.999.970.000	82.500.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	296.999.910.000	197.999.940.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.699.991	19.799.994
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	29.699.991	19.799.994
- Cổ phiếu phổ thông	29.699.991	19.799.994
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.699.991	19.799.994
- Cổ phiếu phổ thông	29.699.991	19.799.994
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 2106/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/6/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, giữ lại toàn bộ lợi nhuận sau thuế năm 2021 (không thực hiện phân chia các quỹ, không chi trả cổ tức năm 2021) để tái đầu tư, nâng cao năng lực tài chính cho Công ty.

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	195.900.595	195.900.595
	195.900.595	195.900.595

14. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng	78.374.467.610	20.348.443.181
Doanh thu cung cấp dịch vụ	242.570.303	-
	<u>78.617.037.913</u>	<u>20.348.443.181</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 23)	<u>6.542.675.303</u>	<u>9.737.570.454</u>

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	71.284.646.574	16.765.587.258
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	242.570.303	-
	<u>71.527.216.877</u>	<u>16.765.587.258</u>

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.234.006	180.254.581
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.930.619.907	18.241.140.119
	<u>7.931.853.913</u>	<u>18.421.394.700</u>
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 23)	<u>7.930.619.907</u>	<u>3.666.216.063</u>

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.427.303.326	285.521.535
	<u>1.427.303.326</u>	<u>285.521.535</u>
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 23)	<u>1.427.303.326</u>	<u>285.521.535</u>

18. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí khác bằng tiền	344.681.804	-
	344.681.804	-

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân công	1.274.254.849	1.503.460.877
Chi phí khác bằng tiền	1.112.136.341	1.035.510.236
	2.386.391.190	2.538.971.113

20. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản chi phí khác bị loại khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	10.404.930	50.584.538
	10.404.930	50.584.538

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	10.853.390.785	19.132.195.981
Các khoản điều chỉnh tăng	10.404.930	50.584.538
- Chi phí không hợp lệ	10.404.930	50.584.538
Các khoản điều chỉnh giảm	(7.930.619.907)	(18.241.140.119)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(7.930.619.907)	(18.241.140.119)
Thu nhập chịu thuế TNDN	2.933.175.808	941.640.400
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	586.635.162	188.328.080
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	188.328.080	707.693.411
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(188.328.080)	(707.693.411)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính	586.635.162	188.328.080
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	586.635.162	188.328.080
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	586.635.162	188.328.080

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân công	1.274.254.849	1.503.316.877
Chi phí khác bằng tiền	1.699.388.448	1.035.654.236
	2.973.643.297	2.538.971.113

23. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 về việc hướng dẫn thực hiện 06 (sáu) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tên Công ty	
Công ty TNHH Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ Y học	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Vinam Vũng Áng	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Phòng khám Ba Đình	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Sản xuất Phần mềm Vinam	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Móng Cái Tokyo	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Công nghệ cao y tế và môi trường Lạng Sơn Tokyo	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phòng khám Nguyễn Thái Sơn	Công ty con gián tiếp
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc (đã miễn nhiệm)
Ông Đặng Việt Thắng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Công ty Cổ phần VinamTầng 6, Tòa nhà VTC Online, Số 18 Tam Trinh,
Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.542.675.303	9.737.570.454
Công ty TNHH Vinam Vững Áng	6.542.675.303	7.937.025.000
Chi nhánh Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ Y học - Phòng khám Thanh Sơn	-	900.272.727
Công ty Cổ phần Phòng khám Ba Đình	-	900.272.727
Nhận cổ tức	7.930.619.907	3.666.216.063
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo	7.930.619.907	1.000.000.000
Công ty TNHH Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ Y học	-	2.666.216.063
Trích lập dự phòng	1.427.303.326	285.521.535
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	494.379.813	236.033.701
Công ty Cổ phần Phòng khám Ba Đình	276.321.867	49.487.834
Công ty CP Công nghệ cao y tế và môi trường Lạng Sơn Tokyo	327.312.874	-
Công ty CP Phòng khám Nguyễn Thái Sơn	303.918.157	-
Công ty CP Công nghệ cao Y tế và Môi trường Móng Cái Tokyo	25.370.615	-
Góp vốn	55.440.000.000	76.828.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo	31.572.000.000	12.428.000.000
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	17.868.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Phần mềm Vinam	6.000.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7	-	49.000.000.000
Công ty TNHH Vinam Vững Áng	-	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Phòng khám Ba Đình	-	4.900.000.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu khách hàng	262.080.927	-
Công ty TNHH Vinam Vững Áng	262.080.927	-
Công ty Cổ phần Phòng khám Nguyễn Thái Sơn	-	900.300.000
Trả trước cho người bán	-	20.000.000.000
Công ty TNHH Vinam Vững Áng	-	20.000.000.000
Phải trả khác	6.488.059	12.780.263
Nguyễn Mạnh Cường	6.488.059	12.780.263

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc		
- Ông Nguyễn Mạnh Cường (đã miễn nhiệm)	150.000.000	300.000.000
- Ông Đặng Việt Thắng	210.000.000	-
Thu nhập của Kế toán trưởng		
- Bà Ngô Minh Hằng (đã miễn nhiệm)	114.000.000	150.000.000
- Bà Vũ Thị Ngọc (đã miễn nhiệm)	34.140.787	-

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO kiểm toán.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Liên

Kế toán trưởng

Phạm Xuân Lăng

Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
VINAM
HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI
M.S.D.N: 0102174005

Đặng Việt Thắng

ANH GIÁ ASCO

C.P.A.